

Số: /KH-UBND

Bắc Giang, ngày tháng 5 năm 2023

KẾ HOẠCH
Tổng kết 10 năm thi hành Luật Hòa giải ở cơ sở

Thực hiện Quyết định số 527/QĐ-BTP ngày 10/4/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Kế hoạch tổng kết 10 năm thi hành Luật Hòa giải ở cơ sở; đồng thời, nhằm đánh giá khách quan, toàn diện những kết quả đạt được, kịp thời phát hiện những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thi hành Luật Hòa giải ở cơ sở, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch tổng kết 10 năm thi hành Luật Hòa giải ở cơ sở với những nội dung như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Đánh giá toàn diện những kết quả đạt được trong quá trình thi hành Luật Hòa giải ở cơ sở; nhận diện những bất cập, mâu thuẫn, chông chéo (nếu có) nhằm đề xuất sửa đổi, bổ sung Luật Hòa giải ở cơ sở và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật, các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan; đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả thi hành Luật Hòa giải ở cơ sở trong thời gian tới.

- Khen thưởng những tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong 10 năm thi hành Luật Hòa giải ở cơ sở.

2. Yêu cầu

- Việc tổng kết Luật Hòa giải ở cơ sở phải được tiến hành nghiêm túc, khách quan, thực chất, toàn diện từ tỉnh đến cơ sở; đảm bảo đúng mục đích và tiến độ đề ra, tiết kiệm, hiệu quả, phù hợp với tình hình thực tế. Đồng thời, bám sát các nhiệm vụ được giao tại Quyết định số 2611/QĐ-BTP ngày 04/11/2013 của Bộ Tư pháp về việc ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Luật Hòa giải ở cơ sở.

- Bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, đơn vị liên quan trong quá trình tổng kết, phát huy vai trò nòng cốt của các Tổ hòa giải trực thuộc UBND xã, phường, thị trấn; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các đoàn thể trong thi hành Luật Hòa giải ở cơ sở.

II. PHẠM VI, NỘI DUNG VÀ HÌNH THỨC TỔNG KẾT

1. Phạm vi tổng kết

- Việc tổng kết được thực hiện trên địa bàn tỉnh, tại các địa phương, cơ quan, tổ chức, đoàn thể có liên quan.

- Mốc thời gian thông tin, số liệu tổng kết: Tính từ tháng 01/2014 đến hết tháng 6/2023.

2. Nội dung tổng kết

Theo Đề cương Báo cáo tổng kết 10 năm thi hành Luật Hòa giải ở cơ sở và các biểu mẫu thống kê số liệu kèm theo Kế hoạch này.

3. Hình thức tổng kết

3.1. Ở tỉnh: UBND tỉnh tổ chức Hội nghị tổng kết để đánh giá 10 năm thi hành Luật Hòa giải ở cơ sở và các văn bản hướng dẫn thi hành, kịp thời biểu dương, khen thưởng những tập thể, cá nhân có nhiều thành tích trong công tác hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh.

Cơ quan chủ trì thực hiện: Sở Tư pháp tham mưu UBND tỉnh tổ chức Hội nghị tổng kết.

Thời gian thực hiện: xong trước ngày 30/7/2023.

3.2. Đối với cấp huyện: Tổ chức Hội nghị tổng kết để đánh giá 10 năm thi hành Luật Hòa giải ở cơ sở và các văn bản hướng dẫn thi hành, kịp thời biểu dương, khen thưởng những tập thể, cá nhân có nhiều thành tích trong công tác hòa giải ở cơ sở. Đồng thời, chỉ đạo UBND cấp xã tổ chức Hội nghị tổng kết 10 năm thực hiện Luật và biểu dương, khen thưởng đối với những tập thể, cá nhân có nhiều thành tích trong thực hiện Luật Hòa giải ở cơ sở.

Cơ quan chủ trì thực hiện: UBND cấp huyện.

Thời gian thực hiện: xong trước ngày 30/6/2023.

3.3. Đối với cấp xã: Tổ chức Hội nghị tổng kết để đánh giá 10 năm thi hành Luật Hòa giải ở cơ sở và các văn bản hướng dẫn thi hành, kịp thời biểu dương, khen thưởng những tập thể, cá nhân có nhiều thành tích trong công tác hòa giải ở cơ sở.

Cơ quan chủ trì thực hiện: UBND cấp xã.

Thời gian thực hiện: xong trước ngày 15/6/2023.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG TRIỂN KHAI VIỆC TỔNG KẾT

1. Tổ chức các hoạt động truyền thông về kết quả tổ chức thực hiện Luật Hòa giải ở cơ sở và các văn bản có liên quan.

Xây dựng, đăng tải các tin bài, phóng sự; phát hành sản phẩm truyền thông về Luật Hòa giải ở cơ sở, kết quả thi hành trên các phương tiện thông tin đại chúng.

- Đơn vị chủ trì: Sở Tư pháp.

- Đơn vị phối hợp: Báo Bắc Giang; Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh; UBND các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan.

- Thời gian thực hiện: từ Quý II - IV/2023.

- Sản phẩm: Các tin, bài, phóng sự, sản phẩm truyền thông được đăng tải,

phát hành trên Báo Bắc Giang, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, trên Cổng Thông tin điện tử phổ biến, giáo dục pháp luật tỉnh, Trang thông tin điện tử của cơ quan, tổ chức ở địa phương. Chú trọng thông tin về những sáng kiến, mô hình, cách làm hay, hiệu quả, những tập thể, cá nhân tiêu biểu, có nhiều thành tích trong công tác này.

2. Tổ chức kiểm tra kết quả triển khai Luật Hòa giải ở cơ sở

- Cơ quan chủ trì: Sở Tư pháp chủ trì kiểm tra tại một số địa phương trong phạm vi tỉnh. Phòng Tư pháp huyện, thành phố chủ trì kiểm tra trên địa bàn quản lý.

- Cơ quan phối hợp: Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức thành viên của Mặt trận; UBND xã, phường, thị trấn và các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan.

- Thời gian thực hiện: Quý II, III/2023 (theo Kế hoạch kiểm tra chung của UBND tỉnh về công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải cơ sở, chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2023).

- Sản phẩm: Thành lập Đoàn kiểm tra; Báo cáo kết quả kiểm tra.

3. Xây dựng báo cáo tổng kết

- Đơn vị chủ trì: Sở Tư pháp tham mưu UBND tỉnh xây dựng báo cáo tổng kết 10 năm thi hành Luật Hòa giải ở cơ sở theo Đề cương của Bộ Tư pháp.

- Đơn vị phối hợp: Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các đoàn thể; UBND các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan.

- Sản phẩm: Báo cáo tổng kết của UBND tỉnh gửi về Bộ Tư pháp đúng thời gian quy định.

4. Khen thưởng

Khen thưởng các tập thể, cá nhân có nhiều thành tích trong 10 năm thi hành Luật Hòa giải ở cơ sở thuộc cơ quan, tổ chức và địa phương. Chủ tịch UBND tỉnh tặng Bằng khen cho các tập thể, cá nhân cụ thể như sau:

4.1. Số lượng khen thưởng:

- *Đối với tập thể: 24 bằng khen, trong đó:*

+ Cấp tỉnh: 01 tập thể cơ quan, đơn vị trực thuộc các sở, ban, ngành hoặc phòng, đơn vị thuộc sở, ban, ngành cấp tỉnh.

+ Cấp huyện: 03 tập thể cấp huyện (phòng, ban, chuyên môn trực thuộc UBND huyện; các Ban đảng trực thuộc Huyện ủy, Thành ủy; Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn).

+ Cấp xã: 10 xã, phường, thị trấn (mỗi huyện, thành phố chọn 01 xã/phường/thị trấn).

+ Tổ hòa giải: 10 tổ hòa giải (mỗi huyện chọn 01 tổ hòa giải).

- *Đối với cá nhân: 23 bằng khen cá nhân, trong đó:*

- + Cấp tỉnh: 01 cá nhân.
- + Cấp huyện: 02 cá nhân là tập huấn viên tiêu biểu ở cấp huyện.
- + Cấp xã: 10 cá nhân là cán bộ, công chức cấp xã tiêu biểu có nhiều thành tích trong công tác hòa giải ở cơ sở (mỗi huyện chọn 01 hòa giải viên).
- + Hòa giải viên: 10 hòa giải viên (mỗi huyện chọn 01 hòa giải viên).

4.2. Đối với chỉ tiêu khen thưởng cấp tỉnh và điều kiện, tiêu chuẩn khen thưởng giao Sở Tư pháp phối hợp với Sở Nội vụ hướng dẫn cụ thể.

4.3. Đối với việc khen thưởng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp huyện, Chủ tịch UBND cấp xã, giao cho UBND cấp huyện hướng dẫn cụ thể, chi tiết trên cơ sở các quy định của Luật Thi đua, khen thưởng và các văn bản hướng dẫn thi hành.

IV. KINH PHÍ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Kinh phí phục vụ hoạt động tổng kết 10 năm thi hành Luật Hòa giải ở cơ sở của cơ quan, đơn vị và địa phương được lấy từ nguồn kinh phí hàng năm của cơ quan, đơn vị và địa phương dành cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở và các nguồn hỗ trợ khác (nếu có).

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Tư pháp

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, địa phương có liên quan triển khai thực hiện Kế hoạch này; hướng dẫn, đôn đốc báo cáo tổng kết 10 năm thi hành Luật Hòa giải ở cơ sở.

- Chủ trì, phối hợp với cơ quan, địa phương liên quan hướng dẫn, lựa chọn, trình Chủ tịch UBND tỉnh tặng Bằng khen (qua Sở Nội vụ) đối với các tập thể, cá nhân có nhiều thành tích trong 10 năm thi hành Luật Hòa giải ở cơ sở.

2. Sở Nội vụ

- Chủ trì tham mưu UBND tỉnh thực hiện nội dung khen thưởng tại Hội nghị tổng kết cấp tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tư pháp, các cơ quan, địa phương liên quan thẩm định hồ sơ, trình Chủ tịch UBND tỉnh tặng Bằng khen đối với các tập thể, cá nhân theo quy định.

3. Các sở, ban, ngành cấp tỉnh¹ căn cứ Kế hoạch này và tình hình thực tiễn của cơ quan, đơn vị tổ chức tổng kết bằng hình thức phù hợp. Báo cáo kết quả tổng kết 10 năm thi hành Luật Hòa giải ở cơ sở² gửi về Sở Tư pháp trước ngày 30/6/2023 để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh và Bộ Tư pháp theo quy định.

¹ Công an tỉnh, Sở Văn hóa – Thể thao và Du lịch, Sở Nội vụ, Ban Dân tộc; Ủy ban MTTQ tỉnh và các tổ chức thành viên.

² Nội dung tổng kết và báo cáo căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, đơn vị liên quan đến công tác hòa giải ở cơ sở; công tác phối hợp thực hiện hoạt động tuyên truyền, phổ biến pháp luật về hòa giải ở cơ sở trên cơ sở các nội dung nêu tại Đề cương kèm theo Kế hoạch này.

4. UBND các huyện, thành phố căn cứ Kế hoạch này và tình hình thực tiễn tại địa phương tổ chức tổng kết và chỉ đạo UBND cấp xã tổ chức tổng kết, báo cáo kết quả về UBND tỉnh (qua Sở Tư pháp) **trước ngày 30/6/2023** phục vụ công tác tổ chức tổng kết cấp tỉnh và báo cáo Bộ Tư pháp.

Trên đây là Kế hoạch tổng kết 10 năm thi hành Luật Hòa giải ở cơ sở./.

Nơi nhận:

- Bộ Tư pháp (Cục PBGDPL);
- TT Tỉnh ủy; TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh và các tổ chức thành viên;
- Các sở, cơ quan: Tư pháp, Văn hóa - Thể thao và Du lịch, Nội vụ, Công an tỉnh, Ban Dân tộc;
- Báo Bắc Giang, Đài PT&TH tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Văn phòng UBND tỉnh:
 - + LĐVP, TH, TTTT;
 - + Lưu: VT, NC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Mai Sơn

Phụ lục I
ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO TỔNG KẾT 10 NĂM THI HÀNH
LUẬT HÒA GIẢI Ở CƠ SỞ
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày /5/2023 của UBND tỉnh)

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN LUẬT HÒA GIẢI Ở CƠ SỞ

1. Thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước trong công tác hòa giải ở cơ sở

a) Ban hành văn bản chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện Luật (văn bản quy phạm pháp luật, văn bản cá biệt).

b) Tình hình quán triệt, phổ biến, truyền thông về Luật Hòa giải ở cơ sở và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành đến các đối tượng liên quan.

- Các hình thức phổ biến, truyền thông đã được áp dụng, triển khai (tập huấn, bồi dưỡng, cung cấp tài liệu...); kết quả đạt được.

- Công tác tập huấn nghiệp vụ cho tập huấn viên, hòa giải viên.

- Số lượng cán bộ, công chức được giao nhiệm vụ về hòa giải ở cơ sở được tuyên truyền, phổ biến; số lượng các chương trình phát sóng, phát thanh, số chuyên mục đăng tải trên báo, mạng internet; số lượng Nhân dân được tuyên truyền, phổ biến về pháp luật hòa giải ở cơ sở.

c) Nâng cao năng lực cho người làm công tác hòa giải ở cơ sở

- Tập huấn viên về hòa giải ở cơ sở

- Hòa giải viên

d) Hoạt động kiểm tra công tác hòa giải cơ sở

đ) Tổ chức sơ kết, tổng kết công tác hòa giải cơ sở

e) Khen thưởng trong công tác hòa giải cơ sở

h) Bố trí nguồn lực thực hiện Luật Hòa giải ở cơ sở

- Số lượng và chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức được giao nhiệm vụ quản lý nhà nước về hòa giải ở cơ sở; đội ngũ cán bộ, công chức tổ chức chính trị - xã hội được giao nhiệm vụ theo dõi, hướng dẫn công tác hòa giải ở cơ sở của cơ quan, đơn vị, địa phương. Đánh giá năng lực của đội ngũ hòa giải viên.

- Phát huy vai trò của những người am hiểu pháp luật (chuyên gia) tham gia vào công tác hòa giải ở cơ sở.

- Công tác phối hợp nâng cao chất lượng hòa giải ở cơ sở gắn với công tác dân vận và thực hiện các cuộc vận động, các phong trào ở cộng đồng dân cư.

- Về kinh phí cho công tác hòa giải ở cơ sở: Nêu rõ mức kinh phí ngân sách nhà nước thường xuyên hàng năm bố trí cho công tác hòa giải ở cơ sở. Đánh giá rõ mức độ bố trí kinh phí theo hàng năm (tăng hoặc giảm) từ khi có Luật Hòa giải ở cơ sở đến nay. Việc bố trí kinh phí theo quy định tại Nghị quyết số

39/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh Bắc Giang; Công văn số 756/STC-QLNS ngày 24/5/2017 của Sở Tài chính về hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và trình tự, thủ tục thanh toán, quyết toán kinh phí cho hoạt động hòa giải ở cơ sở.

- Huy động nguồn lực xã hội cho công tác hòa giải ở cơ sở: Nêu rõ các hình thức, hoạt động huy động nguồn lực trong xã hội (con người và kinh phí) triển khai công tác hòa giải ở cơ sở tại bộ, ngành, địa phương, cơ quan, tổ chức; mức kinh phí huy động được.

2. Sự phối hợp của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức thành viên của Mặt trận và các cơ quan với cơ quan Tư pháp trong công tác hòa giải ở cơ sở

Đánh giá sự phối hợp của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức thành viên của Mặt trận với cơ quan Tư pháp cùng cấp trong công tác hòa giải ở cơ sở (thực hiện đầy đủ chưa? Mức độ thực hiện như thế nào, có hiệu quả hay không?).

3. Tổ chức và hoạt động hòa giải ở cơ sở

- Số lượng tổ hòa giải và hòa giải viên, thành phần của Tổ hòa giải; củng cố, kiện toàn Tổ hòa giải.

- Việc bầu, củng cố, kiện toàn các tổ hòa giải, nhất là đối với những thôn, xã sáp nhập đơn vị hành chính và sau các cuộc bầu cử các chức danh ở thôn.

- Việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Tổ hòa giải. Hoạt động của Tổ hòa giải (tổng số vụ, việc đã tiến hành hòa giải trong 10 năm, số vụ việc hòa giải thành, tỷ lệ hòa giải thành...). Nội dung, tính chất, lĩnh vực phát sinh nhiều mâu thuẫn, tranh chấp được hòa giải.

- Đánh giá chất lượng hòa giải viên và hiệu quả hoạt động của Tổ hòa giải trên địa bàn. Trong đó chú trọng đánh giá, tổng kết việc xây dựng và triển khai mô hình điểm về công tác hòa giải ở cơ sở.

- Đánh giá việc thực hiện thỏa thuận hòa giải thành (tỷ lệ các vụ, việc đã thực hiện thỏa thuận hòa giải thành).

- Đánh giá năng lực của đội ngũ hòa giải viên, việc vận dụng các quy định pháp luật vào công tác hòa giải ở cơ sở.

4. Đánh giá hiệu quả sau 02 năm thực hiện Chỉ thị số 13-CT/TU ngày 29/9/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở, nâng cao nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, Nhân dân trên địa bàn tỉnh

5. Đánh giá chung

- Đánh giá chung những kết quả đạt được.

- Đánh giá nhu cầu xã hội về hòa giải ở cơ sở.

- Đánh giá tác động xã hội của Luật Hòa giải ở cơ sở và các văn bản hướng dẫn thi hành.

II. TỒN TẠI, HẠN CHẾ TRONG THỰC HIỆN LUẬT VÀ NGUYÊN NHÂN; BẤT CẬP TRONG CÁC QUY ĐỊNH CỦA LUẬT HÒA GIẢI Ở CƠ SỞ (NẾU CÓ)

1. Tập trung đánh giá tồn tại, hạn chế trong tổ chức thực hiện Luật trên thực tế; bất cập trong các quy định của Luật Hòa giải ở cơ sở và các văn bản hướng dẫn thi hành (nếu có).

- Những khó khăn, vướng mắc, bất cập, hạn chế từ hệ thống văn bản QPPL, văn bản pháp luật có liên quan (của Luật Hòa giải ở cơ sở, văn bản pháp luật, văn bản chỉ đạo, điều hành khác có liên quan của Trung ương, địa phương, ngành).

- Về đảm bảo các điều kiện cho thi hành Luật Hòa giải ở cơ sở:

+ Công tác ban hành văn bản chỉ đạo, triển khai; công tác quán triệt, tổ chức thực hiện.

+ Công tác tuyên truyền, phổ biến Luật Hòa giải ở cơ sở và văn bản hướng dẫn thi hành.

+ Về kinh phí, cơ sở vật chất, trang bị dành cho công tác hòa giải.

+ Về tổ chức biên chế bố trí thực hiện công tác này của cơ quan, đơn vị, địa phương; số lượng, chất lượng hòa giải viên.

- Hạn chế, khó khăn trong thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác hòa giải ở cơ sở của cơ quan, đơn vị, địa phương.

Hạn chế, khó khăn, vướng mắc trong tổ chức, hoạt động của Tổ hòa giải, Hòa giải viên.

- Hạn chế, khó khăn trong công tác phối hợp thực hiện công tác hòa giải ở cơ sở giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương.

2. Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế

a) Nguyên nhân từ thực tiễn

- Nguyên nhân chủ quan.

- Nguyên nhân khách quan..

b) Nguyên nhân từ các quy định của Luật Hòa giải ở cơ sở và các văn bản hướng dẫn thi hành.

3. Bài học kinh nghiệm

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ VÀ GIẢI PHÁP

1. Đề xuất, kiến nghị

a) Về hoàn thiện các quy định của pháp luật

Kiến nghị các nội dung cần sửa đổi, bổ sung trong Luật Hòa giải ở cơ sở và các văn bản hướng dẫn thi hành (nếu có).

b) Về tổ chức thi hành Luật Hòa giải ở cơ sở

Các đề xuất, kiến nghị các biện pháp nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong công tác hòa giải ở cơ sở.

2. Giải pháp

Các biện pháp nâng cao chất lượng hoạt động hòa giải ở cơ sở; tăng số vụ việc tranh chấp, mâu thuẫn, vi phạm pháp luật thuộc phạm vi hòa giải ở cơ sở được áp dụng biện pháp hòa giải ở cơ sở; tăng tỷ lệ hòa giải thành.

- Giải pháp trước mắt.
- Giải pháp lâu dài.

Phụ lục II
BIỂU MẪU PHỤC VỤ TỔNG KẾT 10 NĂM THI HÀNH
LUẬT HÒA GIẢI Ở CƠ SỞ

1. Các văn bản hướng dẫn triển khai thi hành Luật Hòa giải ở cơ sở

STT	Văn bản quy phạm pháp luật	Các loại văn bản							Ghi chú
		Chỉ thị	Kết luận/Thông báo	Nghị quyết/Chương trình	Quyết định	Kế hoạch	Công văn/Hướng dẫn	Văn bản khác	
	Ghi rõ tên loại văn bản, số, ký hiệu và trích yếu								
	Tổng số								

2. Thông kê kinh phí chi hỗ trợ cho công tác hòa giải ở cơ sở 10 năm qua (chỉ dành cho địa phương)

STT	Chi thù lao cho hòa giải viên	Chi bầu hòa giải viên	Chi hỗ trợ Tổ hòa giải (văn phòng phẩm, photo tài liệu...)	Chi hỗ trợ hòa giải viên gặp tai nạn, rủi ro (nếu có)	Chi tập huấn, cung cấp tài liệu, nâng cao năng lực cho hòa giải viên	Kinh phí xã hội hóa (nếu có)